

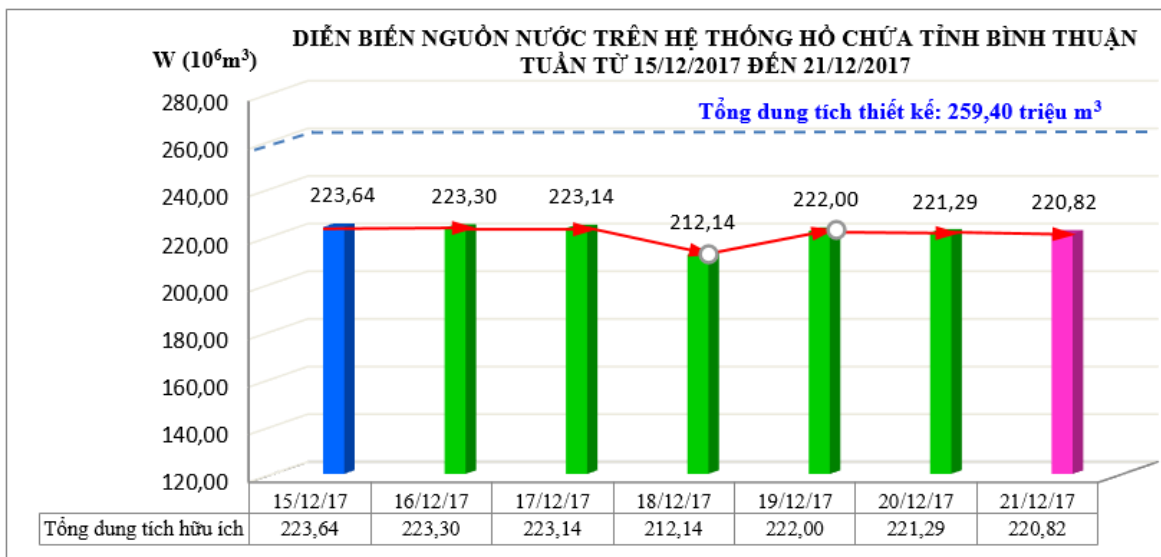
## BẢN TIN

### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017 (Tuần từ 22/12/2017 đến 28/12/2017)

#### 1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

##### 1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 15/12/2017 – 21/12/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 15/12/2017 đến 21/12/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ/ đập trên địa bàn tỉnh tuần qua có chiều hướng giảm nhẹ. Trong tuần qua, do chỉ mưa rải rác một vài nơi trong tỉnh nên tại giữa và cuối tuần lượng nước về giảm khiến tổng dung tích giảm nhẹ. Tổng lượng giảm của tuần qua là 2,82 triệu m<sup>3</sup>, trong đó mức giảm bình quân là 0,47 triệu m<sup>3</sup>/ngày, thay vì mức tăng 0,52 triệu m<sup>3</sup>/ngày như của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 15/12 - 21/12/2017

##### 1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 21/12/2017

###### 1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 21/12/2017 tổng dung tích hữu ích của 17 hồ/ đập lớn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 220,82 triệu m<sup>3</sup>, đạt 85,13% so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ về tổng thể chung thì tăng, tuy nhiên có một số hồ/ đập dung tích giảm

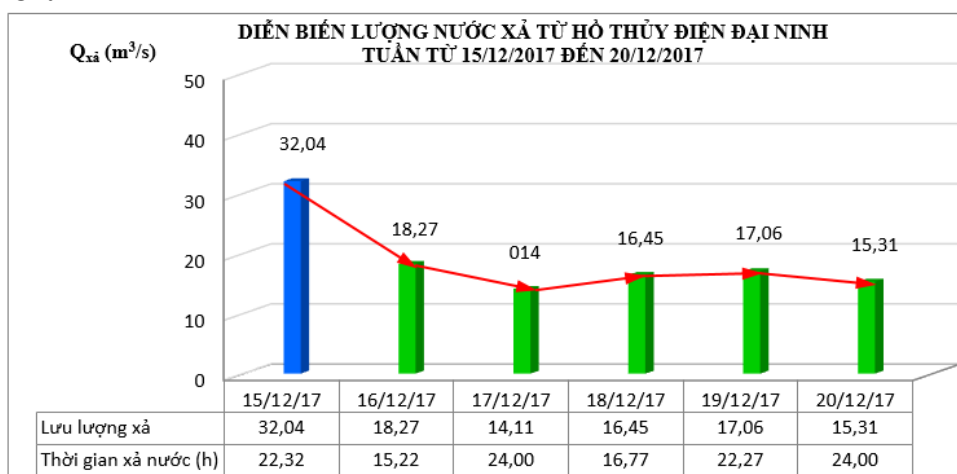
so với đầu tuần như hồ Lòng Sông, hồ Sông Quao, hồ Núi Đất và hồ Đu Đủ. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là Sông Dinh 3 với tỉ lệ là 20,69% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Đá Bạc với 111,21% dung tích thiết kế. Hiện tại 5 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Quao, hồ Sông Móng và hồ Phan Dũng tính đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều nước (Dung tích hiện tại đều đạt trên 95% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 21/12/2017

ST T	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH ( $10^6 \text{ m}^3$ )						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	5,372	4,87	9,718	0,392	4,478	4,980	111,21%
2	Lòng Sông	36,879	37,16	40,271	3,464	33,696	33,415	99,17%
3	Cà Giây	37,116	36,921	63,209	8,409	28,512	28,707	100,68%
4	Sông Khán	1,897	2,014	2,52	0,261	1,753	1,636	93,33%
5	Sông Quao	71,336	73	80	5,7	67,3	65,636	97,53%
6	Suối Đá	7,140	9,131	12,786	1,273	7,858	5,867	74,66%
7	Cầm Hạng	0,862	1,18	1,215	0,013	1,167	0,849	72,75%
8	Sông Móng	37,156	37,156	51,515	2,985	34,171	34,171	100,00%
9	Ba Bàu	6,748	6,938	11,403	0,964	5,974	5,784	96,82%
10	Đu Đủ	2,987	3,664	5,217	0,297	3,367	2,690	79,89%
11	Tân Lập	0,915	1,07	1,52	0,07	1	0,845	84,50%
12	Tà Môn	0,501	0,657	0,72	0,05	0,607	0,451	74,30%
13	Núi Đất	8,678	8,466	9,648	0,566	7,9	8,112	102,68%
14	Trà Tân	3,764	3,888	8,333	0,403	3,485	3,361	96,44%
15	Sông Phan	2,212	3,022	3,579	0,172	2,85	2,040	71,58%
16	Phan Dũng	14,641	13,674	18,925	1,233	12,441	13,408	107,77%
17	Sông Dinh 3	24,153	58,13	97,138	15,29	42,84	8,863	20,69%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>262,36</b>	<b>300,941</b>	<b>417,717</b>	<b>41,542</b>	<b>259,40</b>	<b>220,82</b>	<b>85,13%</b>

### 1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 21/12/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 244,43 triệu  $\text{m}^3$ /251,7 triệu  $\text{m}^3$ , đạt 97,10% so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 1,85 triệu  $\text{m}^3$  so với đầu tuần (ngày 15/12/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 15/12/2017 đến 20/12/2017

Tính đến ngày 21/12/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 498,41 triệu m<sup>3</sup>/ 522,5 triệu m<sup>3</sup>, đạt 95,39% so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 1,06 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 15/12/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 21/12/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	312,47	319,770	549,820	68,040	251,730	244,43	97,10%
2	<u>Hàm Thuận</u>	671,14	695,230	976,650	172,730	522,500	498,41	95,39%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>983,61</b>	<b>1.015,000</b>	<b>1,526,470</b>	<b>240,770</b>	<b>774,230</b>	<b>742,84</b>	<b>95,95%</b>

## 2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

### 2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là: mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

### 2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 12/2017	Dự báo KTTV tuần 4 - tháng 12/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết trong thời kỳ đầu tháng có mưa rào và dông rải rác, riêng ngày 3-5 có mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to; thời kỳ giữa và cuối tháng có mưa rào vài nơi; những ngày ảnh hưởng của xoáy thuận nhiệt đới có mưa rào và dông rải rác. Dự báo lượng mưa tháng 11/2017 cao hơn TBNN phổ biến từ 100-200, riêng vùng núi từ 200-300mm; với: 8</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết tuần tới: Mây thay đổi đến nhiều mây, thời kỳ nửa đầu tuần có mưa rào và dông rải rác, riêng từ ngày 3 đến ngày 5 khu vực có mưa to đến rất to, thời kỳ nửa cuối tuần có mưa rào vài nơi. Dự báo lượng mưa tuần tới đạt mức xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía bắc và trung tâm tỉnh: 100 – 200 mm, với 3 - 5</p>

- 12 ngày mưa.
- Tổng số giờ nắng: 190 – 210 giờ, tổng lượng bốc hơi: 90 - 110mm.

**b. Thủy văn:**

- Mức nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,50m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,90m; Hmax = 27,50m; Hmin = 24,00m.

ngày mưa. Khu vực phía nam và tây nam tỉnh: 150 – 250 mm, với 4 - 6 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 50 – 60 giờ, tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

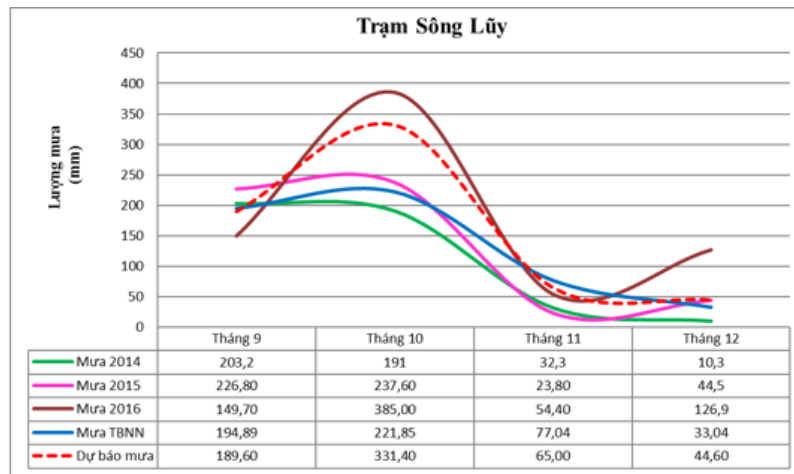
**b. Thủy văn:**

- Mức nước tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN

+Tà Pao: Htb=116,80m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

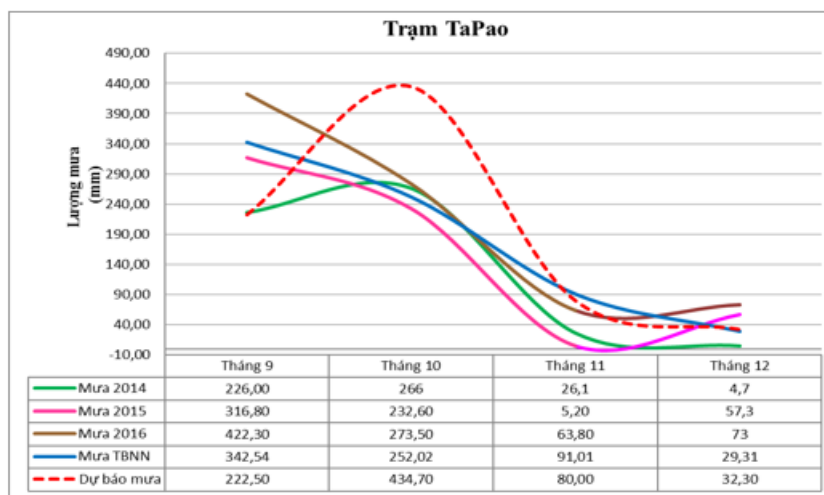
+ Sông Lũy: Htb = 24,70m; Hmax = 26,50m; Hmin = 24,30m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Tà Pao

## 2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Mùa năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Mùa (tháng 12) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Mùa năm 2017 ( $10^6 m^3$ )	
		Tháng 12 ( $10^6 m^3$ )	Tổng cộng ( $10^6 m^3$ )
1	Hồ Đá Bạc	0,249	<b>0,249</b>
2	Hồ Phan Dũng	3,608	<b>3,608</b>
3	Hồ Lòng Sông	3,774	<b>3,774</b>
4	Đập Sông Lũy	44,222	<b>44,222</b>
5	Hồ Cà Giây	1,534	<b>1,534</b>
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	3,069	<b>3,069</b>
7	Hồ Sông Quao	2,903	<b>2,903</b>
8	Hồ Suối Đá	0,352	<b>0,352</b>
9	Hồ Sông Khán	0,015	<b>0,015</b>
10	Hồ Cà Giang	0,073	<b>0,073</b>
11	Hồ Cẩm Hang	0,109	<b>0,109</b>
12	Hồ Sông Móng	0,544	<b>0,544</b>
13	Đập Ba Bàu	1,343	<b>1,343</b>
14	Hồ Đu Đủ	0,091	<b>0,091</b>
15	Đập Sông Phan	0,653	<b>0,653</b>
16	Hồ Tân Lập	0,003	<b>0,003</b>
17	Hồ Tà Mon	0,003	<b>0,003</b>
18	Hồ Núi Đất	0,016	<b>0,016</b>
19	Hồ Sông Dinh	1,991	<b>1,991</b>
20	Đập Cô Kiều	0,025	<b>0,025</b>
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	26,827	<b>26,827</b>
22	Hồ Trà Tân	1,516	<b>1,516</b>
<b>Tổng cộng</b>			<b>92,92</b>

Dự kiến lượng nước xả vụ Mùa của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 12	Tổng ( $10^6 m^3$ )
Đại Ninh	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $m^3/s$ )	17	45,53
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	15	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $m^3/s$ )	27	72,32
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	14	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

### 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Mùa được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Mùa tháng 12/2017 là 180,35 triệu m<sup>3</sup>.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Mùa 2017					
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước vụ Mùa (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 12	Tổng
<b>Tổng cộng</b>		<b>31.486,63</b>	<b>11.500,00</b>	<b>14.736,00</b>	<b>497,00</b>	<b>180,35</b>	<b>180,35</b>
1	Hồ Đá Bạc	271,38	66,55	54	-	1,27	<b>1,27</b>
2	Hồ Phan Dũng	123,99	133,11	108	-	0,90	<b>0,90</b>
3	Hồ Lòng Sông	3.061,74	240,34	195	79,00	8,78	<b>8,78</b>
4	Đập Sông Lũy	6.321,93	1.445,65	294	-	24,72	<b>24,72</b>
5	Hồ Cà Giấy	1.397,43	1.947,20	396	-	6,39	<b>6,39</b>
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,84	1.357	276	-	5,78	<b>5,78</b>
7	Hồ Sông Quao	6.368,51	1.458,97	6.622,06	-	41,04	<b>41,04</b>
8	Hồ Suối Đá	234,98	103,54	469,95	-	1,58	<b>1,58</b>
9	Hồ Sông Khán	73,99	7,49	34	-	0,39	<b>0,39</b>
10	Hồ Sông Móng	-	5,32	177,27	-	0,07	<b>0,07</b>
11	Đập Ba Bàu	725,16	108,81	3.625,10	-	0,55	<b>0,55</b>
12	Hồ Đu Đủ	96,84	29,52	983,63	-	0,07	<b>0,07</b>
13	Đập Sông Phan	1	18,08	602,33	-	0,14	<b>0,14</b>
14	Hồ Tân Lập	-	14,16	471,82	-	0,00	<b>0,00</b>
15	Hồ Tà Mon	-	4,11	136,84	-	0,00	<b>0,00</b>
16	Hồ Núi Đất	430	350	226	-	2,39	<b>2,39</b>
17	Hồ Sông Dinh	417	2.720	64	-	3,63	<b>3,63</b>
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,24	<b>0,24</b>
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	10.821,00	690	-	418,00	80,99	<b>80,99</b>
20	Hồ Trà Tân	83,83	800	-	-	1,43	<b>1,43</b>

### 4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 2017

#### 4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 22/12/2017 đến 28/12/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 28/12/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích đạt khoảng 227,83 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 87,83% so với dung tích thiết kế), tăng 7,01 triệu m<sup>3</sup> so với thời điểm hiện tại (ngày 21/12/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 28/12/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Nguồn nước hiện tại 21/12/2017			Dự kiến nguồn nước đến 28/12/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 21/12/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 28/12/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đa Bạc	31,01	4,478	31,35	4,980	111,21%	31,40	▲ 5,056	112,91%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	76,83	33,415	99,17%	77,13	▲ 34,192	101,47%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	74,74	28,707	100,68%	74,74	■ 28,707	100,68%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,70	1,636	93,33%	106,98	▲ 1,767	100,78%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	88,74	65,636	97,53%	88,77	▲ 65,828	97,81%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	46,34	5,867	74,66%	46,08	▼ 5,082	64,68%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,40	0,849	72,75%	23,61	▼ 0,471	40,39%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	75,80	34,171	100,00%	76,88	▲ 40,064	117,25%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,93	5,784	96,82%	42,02	▲ 6,048	101,24%
10	Hồ Đu Đu	61	3,367	60,36	2,690	79,89%	60,68	▲ 3,021	89,74%
11	Hồ Tân Lập	44	1	43,57	0,845	84,50%	43,85	▲ 0,946	94,60%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,68	0,451	74,30%	45,41	▼ 0,401	66,05%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,60	8,112	102,68%	24,01	▲ 8,985	113,74%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	94,94	3,361	96,44%	95,06	▲ 3,663	105,12%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,10	2,040	71,58%	68,07	▼ 2,028	71,15%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	206,78	13,408	107,77%	206,14	▼ 11,861	95,34%
17	Hồ Sông Dinh 3	45,95	42,84	41,75	8,863	20,69%	41,90	▲ 9,707	22,66%
	<b>Tổng</b>		<b>259,399</b>		<b>220,82</b>	<b>85,13%</b>		<b>227,83</b>	<b>87,83%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

#### 4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Mùa đã tính ở trên, dự báo đến 28/12/2017 sẽ có:

Tổng số 19/19 (100%) hồ/đập thủy lợi đều có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Mùa (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất, hồ Đu Đu.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Mùa 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Mùa tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa		
		Lượng nước thiếu (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )		Khả năng cấp nước tưới vụ Mùa 2017
		Tháng 12	Tổng	
1	Hồ Đa Bạc	0	0	100%

2	Hồ Phan Dũng	0	0	<b>100%</b>
3	Hồ Lòng Sông	0	0	<b>100%</b>
4	Đập Sông Lũy	0	0	<b>100%</b>
5	Hồ Cà Giây	0	0	<b>100%</b>
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	<b>100%</b>
7	Hồ Sông Quao	0	0	<b>100%</b>
8	Hồ Suối Đá	0	0	<b>100%</b>
9	Hồ Sông Khán	0	0	<b>100%</b>
10	Hồ Sông Móng	0	0	<b>100%</b>
11	Đập Ba Bàu	0	0	<b>100%</b>
12	Hồ Đu Đủ	0	0	<b>100%</b>
13	Đập Sông Phan	0	0	<b>100%</b>
14	Hồ Tân Lập	0	0	<b>100%</b>
15	Hồ Tà Mon	0	0	<b>100%</b>
16	Hồ Núi Đất	0	0	<b>100%</b>
17	Hồ Sông Dinh	0	0	<b>100%</b>
18	Sông La Ngà ( Tới Đập Tà Pao)	0	0	<b>100%</b>
19	Hồ Trà Tân	0	0	<b>100%</b>
<b>Tổng</b>			<b>0</b>	

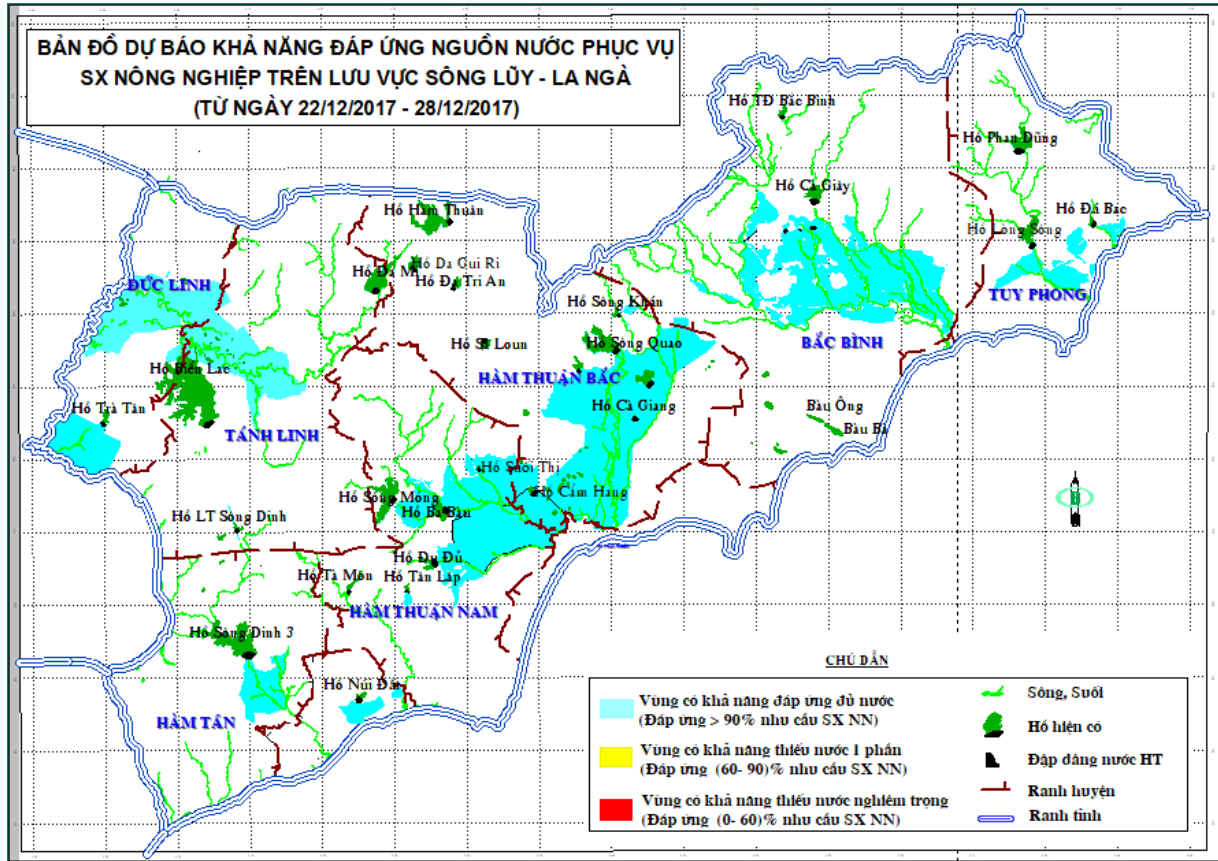
### **Kết luận - Kiến nghị:**

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa lũ và nguồn nước về các hồ để có kế hoạch vận hành công trình hợp lý, chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Mùa và cho vụ Đông Xuân 2017 - 2018; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 28/12/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 227,83 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 87,83% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 22/12/2017 đến ngày 28/12/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cần phòng tránh úng ngập cục bộ trong một số vùng nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 28/12/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 34,192 triệu m<sup>3</sup>, hồ Phan Dũng có 11,861 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đá Bạc 5,056 triệu m<sup>3</sup>: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Cà Giây có 28,707 triệu m<sup>3</sup>, hồ Sông Quao có 65,828 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Mùa;

- Hồ Sông Móng có 40,064 triệu m<sup>3</sup>, đập Ba Bàu có 6,048 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tà Mon có 0,401 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đu Đủ có 3,021 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tân Lập có 0,946 triệu m<sup>3</sup>, hồ Núi Đất có 8,985 triệu m<sup>3</sup>, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cạn vụ Mùa;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Mùa theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lữ – sông La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 22/12/2017 đến ngày 28/12/2017

*Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 21/12/2017*

*(Ghi chú: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Mùa, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (qua Cục Quản lý Công trình Thủy lợi) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).*

*Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: [vkhtlmn@gmail.com](mailto:vkhtlmn@gmail.com) và [tncnbvmt@gmail.com](mailto:tncnbvmt@gmail.com) ./.*